CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Chương Dương

Ngày 30/06/2025	14,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.4%	**-**	**12.1%**

DT thuần
Q2/25
245
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.0| -4.8%
YoY: ▼34.0| -12.3%

LN thuần
Q2/25
1.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.86| -31.8%
YoY: ▼2.48| -57.4%

LN sau thuế
Q2/25
2.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90| 49.6%
YoY: ▼1.84| -40.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.8%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM)
Q2/25
5.5%
YoY: +/-▼ 1.5%

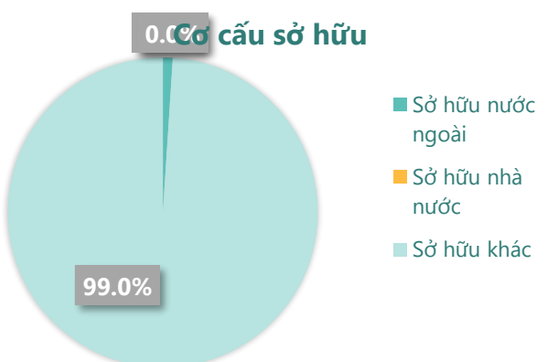
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,648 - 20,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	631
Số lượng CPLH (CP)	43,977,432
KLGD BQ 20 phiên (CP)	344,965
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.30
EPS	649
P/E	22.1

DT thuần
6T 2025
502
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 1.6%

LN thuần
6T 2025
4.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.24| -21.5%

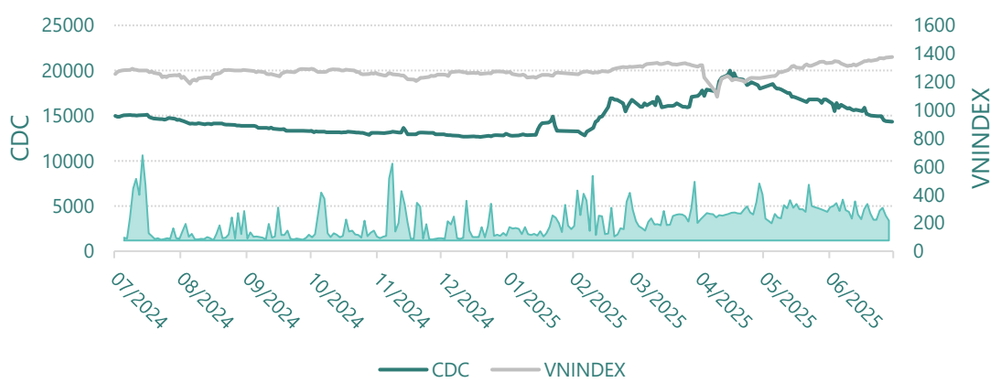
LN sau thuế
6T 2025
4.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.78| -14.5%

Cơ cấu sở hữu

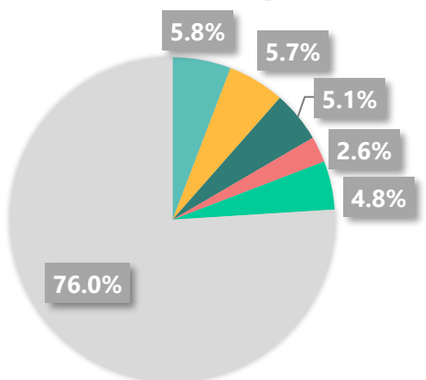


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

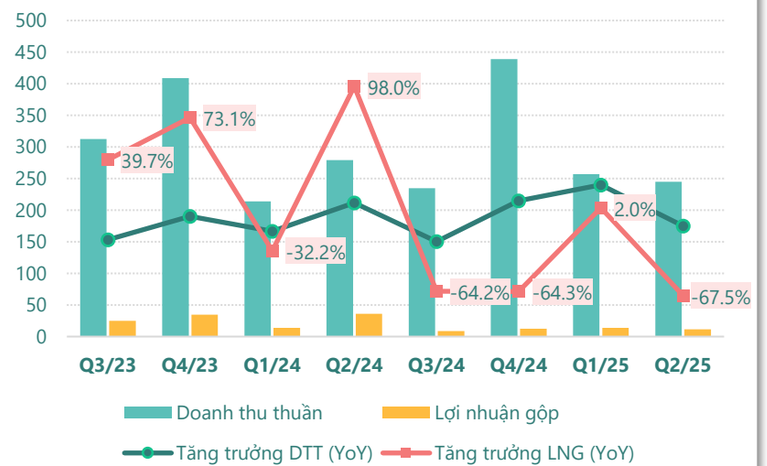




(Nguồn: fireant.vn)

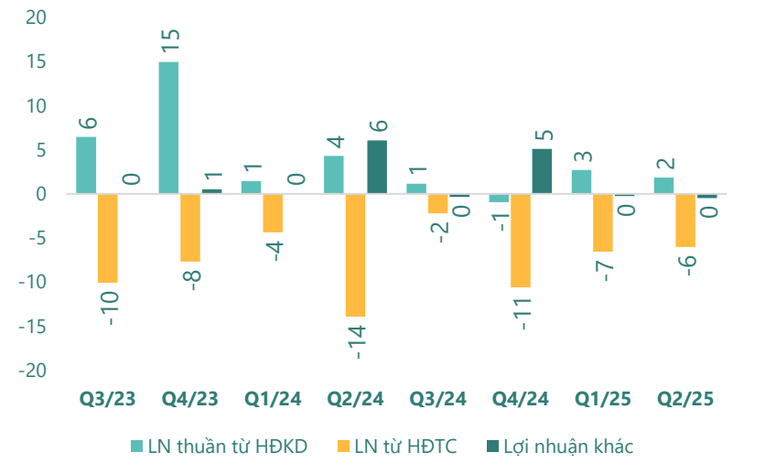
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



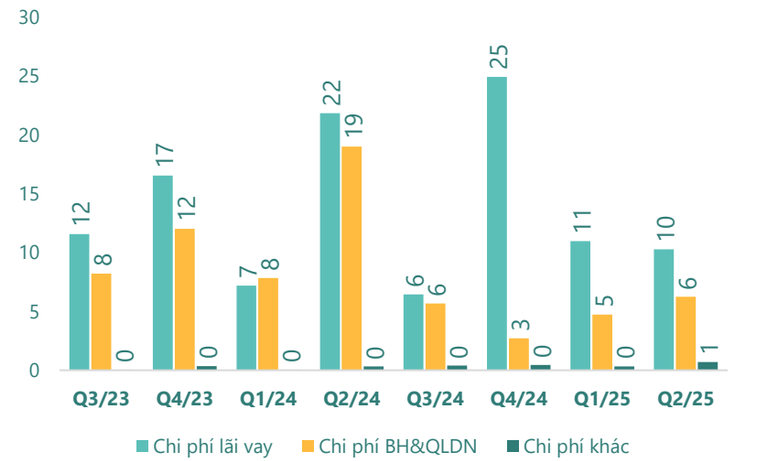
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



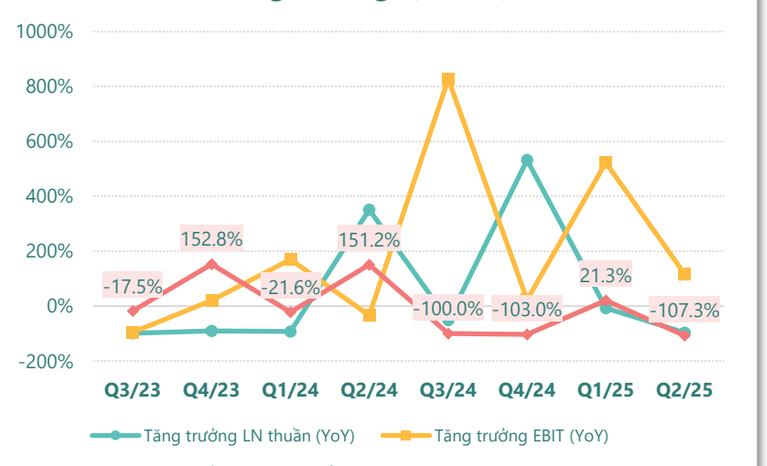
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



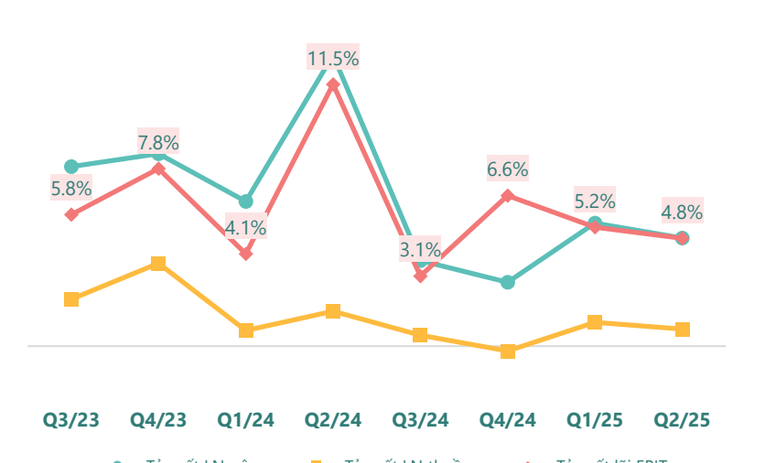
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



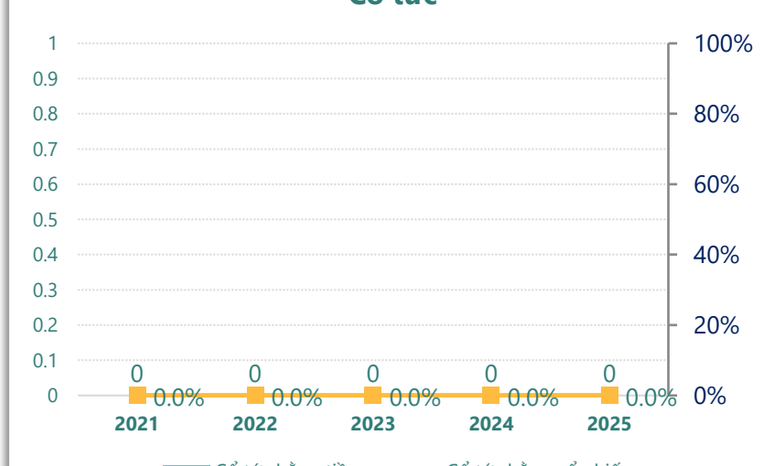
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

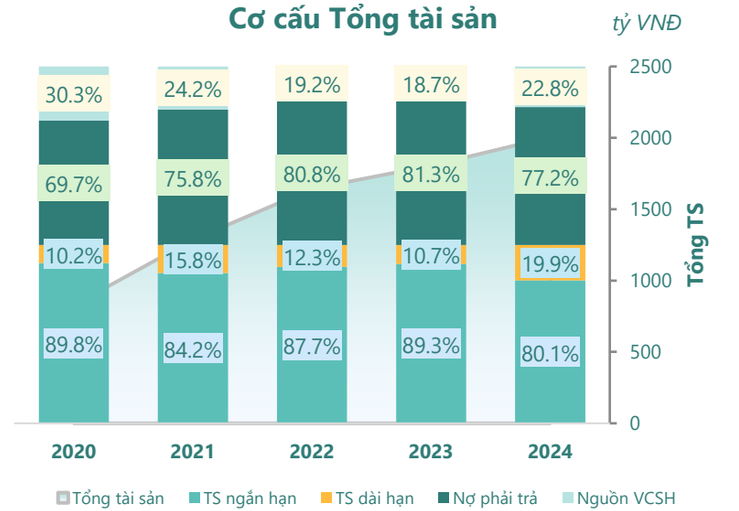
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

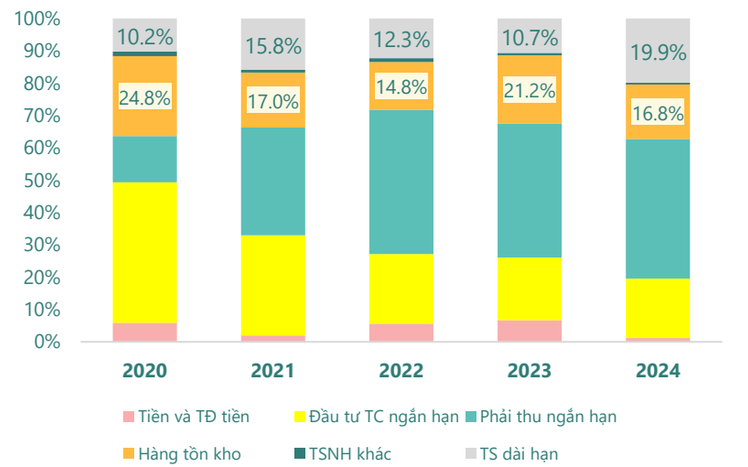
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



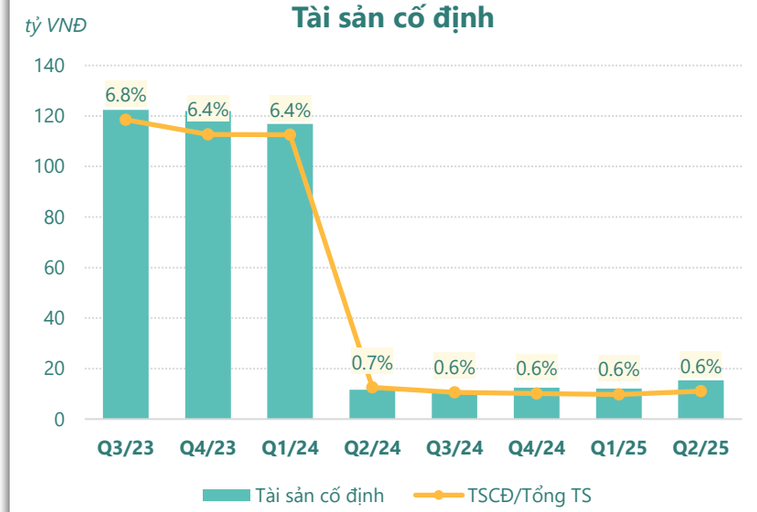
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



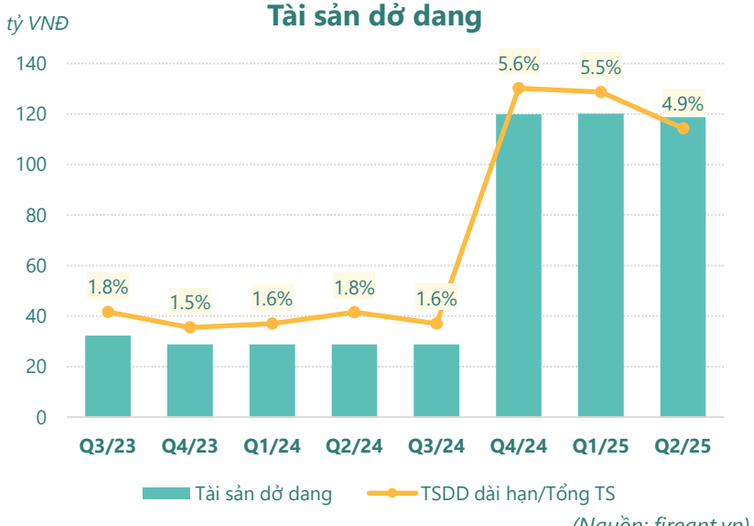
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



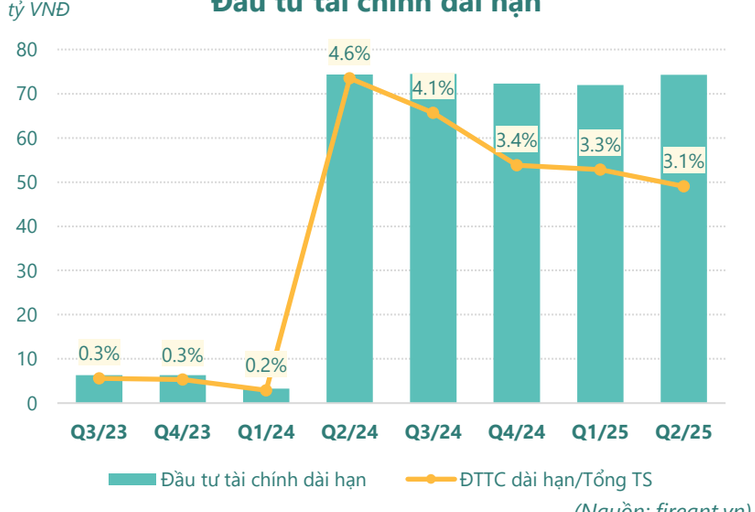
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



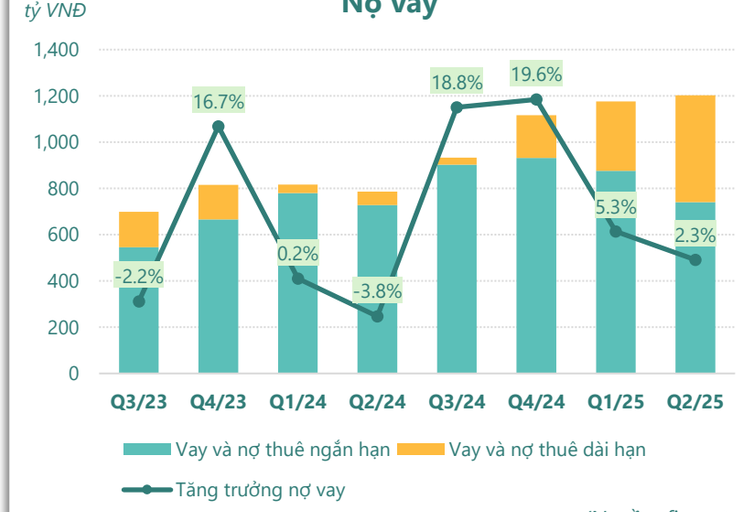
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

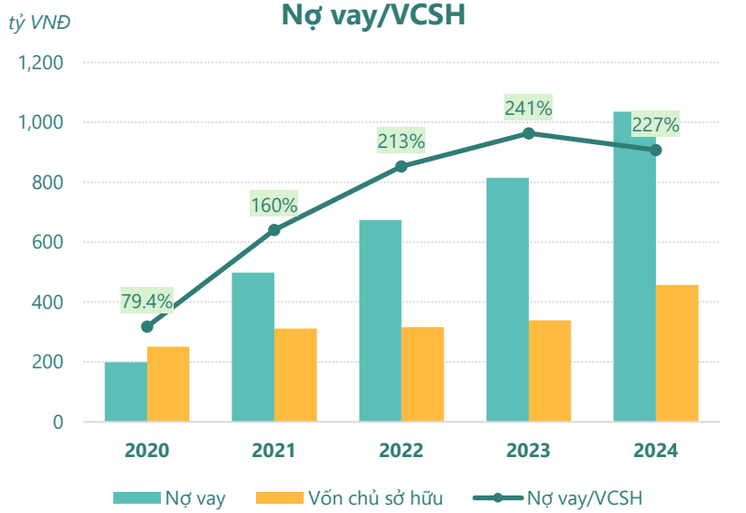
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

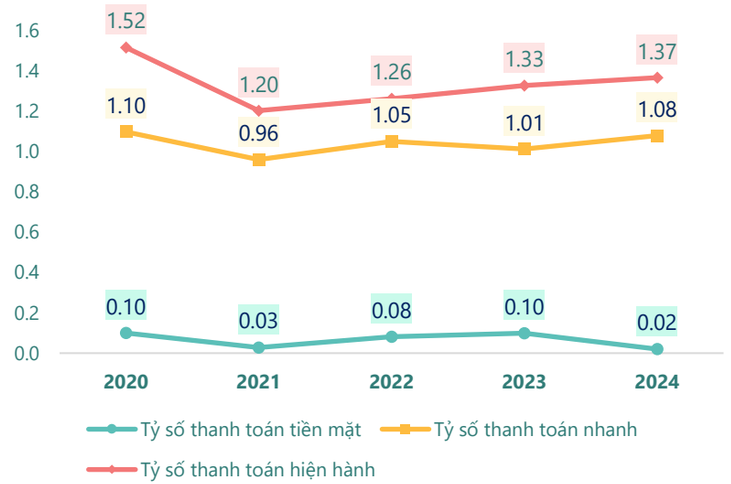
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



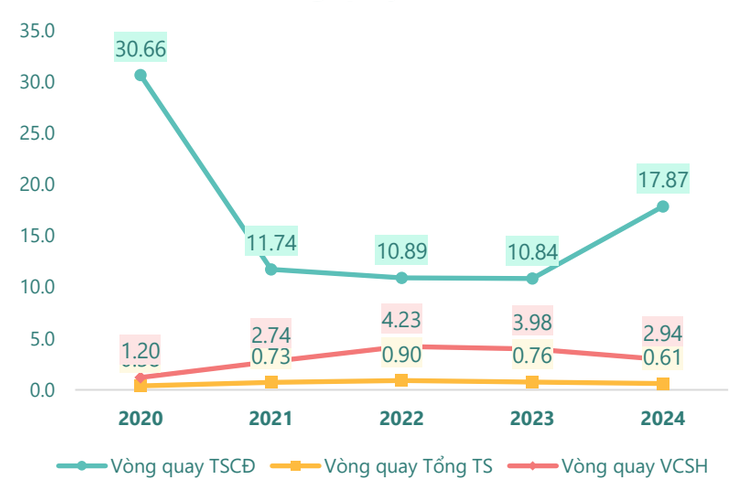
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



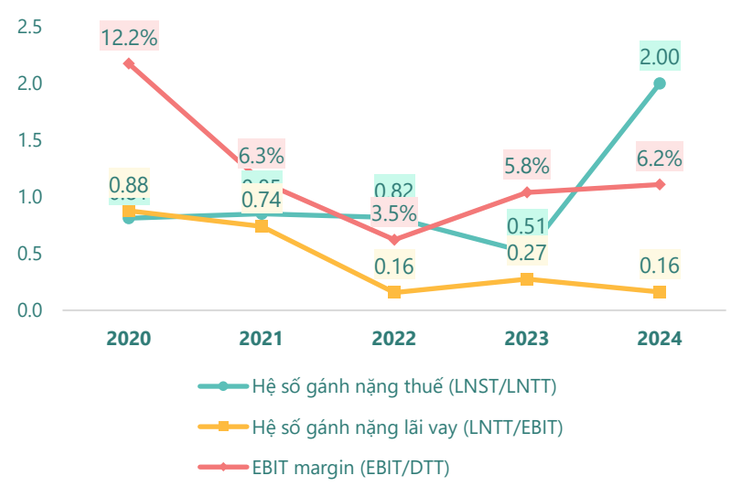
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



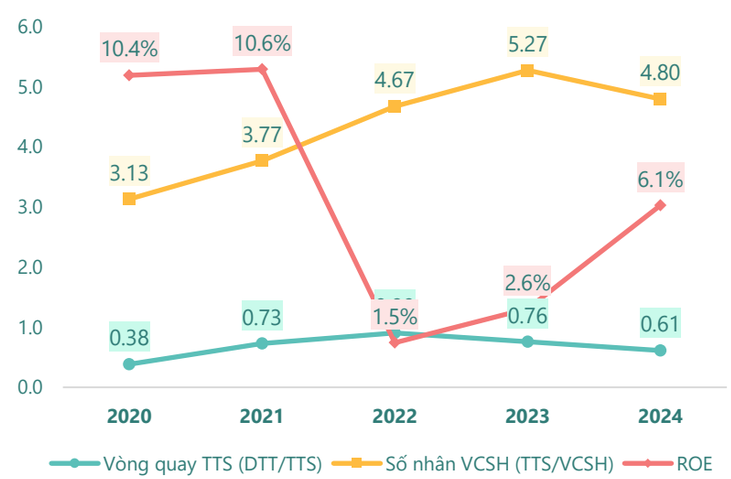
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



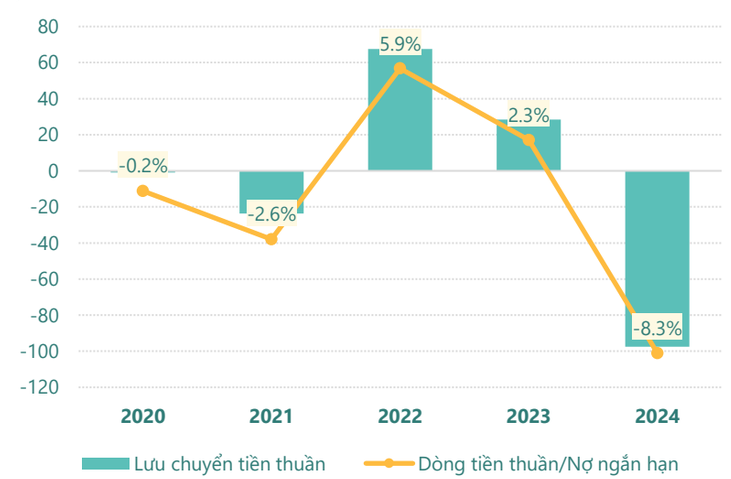
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**245**	**279**	**-12.3%**	**502**	**493**	**1.6%**
Giá vốn hàng bán	233	244	-4.5%	476	444	7.2%
Lợi nhuận gộp	11.7	35.8	-67.4%	25.6	49.5	-48.3%
Doanh thu HĐTC	5.28	9.65	-45.3%	9.75	12.5	-22.0%
Chi phí TC	11.3	23.6	-52.2%	22.3	30.8	-27.4%
Chi phí lãi vay	10.3	21.9	-53.0%	21.3	29.1	-26.8%
LN trong công ty LKLD	**2.44**	**1.42**	**71.6%**	**2.51**	**1.42**	**76.3%**
Chi phí bán hàng	0	0.48	-100%	0	0.97	-100%
Chi phí QLDN	**6.24**	**18.6**	**-66.4%**	**11.0**	**25.9**	**-57.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.84	4.32	-57.4%	4.54	5.78	-21.5%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**6.07**	**-108%**	**-0.71**	**6.14**	**-112%**
LN trước thuế	1.36	10.4	-86.9%	3.83	11.9	-67.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.72**	**4.56**	**-40.3%**	**4.54**	**5.32**	**-14.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.61**	**4.76**	**17.8%**	**5.63**	**5.71**	**-1.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-50.2	-114	-60.2	-132	-502	196
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.06	-50.1	48.7	-90.7	215	-257
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.07	105	64.2	177	581	-177
Tiền đầu kỳ	121	79.2	20.0	72.6	23.7	318
Lưu chuyển tiền thuần	**-42.0**	**-59.2**	**52.7**	**-46.5**	**295**	**-238**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	79.2	20.0	72.6	26.2	318	80.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,423**	**2,006**	**20.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,157	1,607	34.2%
Tiền và tương đương tiền	80.0	23.7	238%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	401	369	8.6%
Phải thu ngắn hạn	1,155	865	33.5%
Hàng tồn kho	501	338	48.3%
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	10.7	82.1%
Tài sản dài hạn	**266**	**399**	**-33.3%**
Phải thu dài hạn	18.3	156	-88.3%
Tài sản cố định	15.3	12.3	24.6%
Bất động sản đầu tư	36.3	37.2	-2.6%
Tài sản dở dang	119	120	-1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	74.3	71.8	3.4%
Tài sản dài hạn khác	**3.54**	**1.59**	**122%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,722	1,550	11.1%
Nợ ngắn hạn	**1,082**	**1,177**	**-8.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	740	851	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	109	100	8.9%
Nợ dài hạn	639	373	71.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	462	184	151%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**702**	**457**	**53.7%**
Vốn chủ sở hữu	**702**	**457**	**53.7%**
Vốn điều lệ	440	220	100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)